

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/HS-PT

Ngày: 30/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đình Thông

Bà Trương Thị Lệ Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 73/2019/HS-PT ngày 04 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Trần Đức T do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2019/HS-ST ngày 25/04/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Đức T; sinh ngày: 10/2/1985; tại xã Hưng Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm Vinh X, xã Hưng Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức Đ và bà Trần Thị V; vợ: Nguyễn Thị H; con: 02 đứa (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017); tiền án: không; tiền sự: ngày: 16/6/2016 bị Công an thành phố V, tỉnh Nghệ An ra quyết định số 287/QĐ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000đ đến nay chưa chấp hành xong; bị tạm giữ từ ngày 10/12/2018 đến ngày 15/12/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an Hà Tĩnh cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1987; trú tại: xóm Vinh X, xã Hưng Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/12/2018, Trần Đức T điều khiển xe tải mang biển kiểm soát 37C-067.07 kéo theo rơ móc mang biển kiểm soát 37R-002.72 của gia đình từ Nghệ An sang Lào qua cửa khẩu Nậm C, Nghệ An để giao hàng (đất sét). Ngày 08/12/2018, sau khi trả hàng đất sét tại Phôn Xa Vẳn (Lào) thì T điều khiển xe ô tô đến thị trấn Ka S - Lào để bốc quặng. Ngày 09/12/2018, T điều khiển xe ô tô đến thành phố Viêng C - Lào, Toàn dừng xe ô tô trước một quán tạp hóa mua 05 hộp pháo của một người phụ nữ Lào với giá 320.000 kíp Lào. Mua xong T cất giấu số pháo đó vào trong cabin của xe ô tô tài BKS 37C-067.07 và tiếp tục điều khiển xe ô tô kéo theo rơ móc theo đường về cửa khẩu quốc tế Cầu Treo. Trên đường về gần đến khu vực ngã ba Thang B - Lào. T dừng xe, gặp và mua của một người đàn ông Lào (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) 07 viên hồng phiến với giá 70.000 kíp Lào rồi cất giấu số hồng phiến nói trên vào ghế lái của ca bin xe ô tô tài BKS 37C-067.07. Sau đó T tiếp tục điều khiển xe ô tô chạy về Việt Nam. Đến khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 10/12/2018, T điều khiển xe ô tô về đến cửa khẩu quốc tế Cầu Treo. Trong khi đang làm thủ tục nhập cảnh, lực lượng chức năng phát hiện trong ca bin của xe ô tô có 05 khối hộp hình khối bằng giấy, trên mỗi hộp có in hoa văn nhiều màu sắc, có chữ nước ngoài, có ký hiệu A8014, “9 SHOTS”. Tiếp tục kiểm tra, lực lượng chức năng phát hiện phía sau ghế lái của xe ô tô có đoạn ống nhựa màu trắng dài khoảng 04 cm bên trong có 07 viên nén màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có ký hiệu chữ WY. Trần Đức T khai nhận số viên nén màu hồng nói trên là hồng phiến (ma túy tổng hợp) và 05 khối hộp là pháo T mua ở Lào mang về Việt Nam để sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 21/GĐMT-PC09 ngày 13/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: 07 viên nén màu hồng, trên mỗi viên đều có chữ WY được chứa trong một đoạn ống nhựa màu trắng gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,7358 gam là Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 23/GĐP-PC09 ngày 13/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: 05 khối hộp kích thước chữ nước ngoài và có ký hiệu “A8014”, “09 SHOTS”, trong mỗi khối hộp có 09 vật trụ tròn được liên kết với nhau gửi giám định có khối lượng là 10 kg, là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/HĐĐG ngày 21/3/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự - UBND huyện H kết luận: trị giá chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC màu xanh, biển kiểm soát 37C-067.07 và chiếc rơ móc nhãn hiệu CIMC màu xanh, biển kiểm soát 37R-002.72 là 563.290.000đ.

Với hành vi phạm tội trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2019/HS-ST ngày 25/04/2019 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm k khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 BLHS xử phạt bị cáo Trần Đức T 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 30 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 54 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 10/12/2018).

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, quyền kháng cáo, án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2019, bị cáo Trần Đức T làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được giảm hình phạt.

Ngày 06/5/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin nhận lại chiếc xe.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thay đổi nội dung kháng cáo chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét việc định giá lại chiếc xe là vật chứng trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xem xét kháng cáo của bị cáo, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/12/2018, Trần Đức T vận chuyển 10kg pháo và 0,7358 gam Methamphetamine trên chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 37C-067.07 kéo theo rơ móc nhãn hiệu CIMC màu xanh biển kiểm soát 37R-002.72 từ Lào về Việt Nam nhằm mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang tại luồng nhập cảnh cửa khẩu quốc tế Cầu Treo đóng tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Vận chuyển

hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 249, điểm k khoản 2 Điều 191 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét các nội dung kháng cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo của bị cáo:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và vận chuyển hàng cấm của bị cáo là hết sức nguy hiểm, không những xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của nhà nước đối với chất ma túy cũng như pháo nổ, mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự công cộng tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và vận chuyển hàng cấm là trái pháp luật, khi bị phát hiện sẽ bị trừng trị một cách nghiêm khắc nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm cho thấy bị cáo bất chấp hậu quả và xem thường pháp luật. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ TNHS, nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 30 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm” cơ bản là tương xứng với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo cũng đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già yếu, vợ không có việc làm phải nuôi con nhỏ nên cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm tái hòa nhập với xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.2] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét định giá lại chiếc xe do bị cáo sử dụng để thực hiện phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ vào các biên bản, kết luận định giá trong hồ sơ vụ án và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy việc định giá của cơ quan có thẩm quyền thực hiện đã đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và nội dung hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo cũng như các tài liệu kèm theo hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị H.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Đức T không phải chịu án phí HSPT, kháng cáo của chị Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đức T.

Sửa bản án sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Tuyên bố bị cáo **Trần Đức T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Vận chuyển hàng cấm”

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm k khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 55 BLHS xử phạt bị cáo Trần Đức T 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 18 (mười tám) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 10/12/2018).

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015, khoản 2 Điều 21, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Trần Đức T không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ án phí HSPT.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 06 – Công an tỉnh Hà Tĩnh
- TA, CA, VKS, THA sơ thẩm;
- Trại tạm giam CA Hà Tĩnh;
- Bị cáo kháng cáo;
- Người có QLVNVLQ kháng cáo;
- Lưu hồ sơ, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền